TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH ĐỒNG THÁP

Bản án số: 10/2022/HS-ST
Ngày 17-02-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống.

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Ông Nguyễn Quốc Sử;
2. Ông Trần Duy Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2022/TLST-HS, ngày 06 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HS, ngày 20 tháng 01 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T C), sinh năm 1987 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 5, phường A2, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (chết) và bà Võ Thị C, sinh năm 1962; gia đình có 05 anh, chị, em; bị cáo là con thứ năm trong gia đình; sống như vợ chồng với Hồ Thị D và có 01 con chung tên Nguyễn Thị N sinh năm 2018 (bị cáo khai tại phiên tòa); tiền sự: Ngày 21/01/2020 bị Tòa án Nhân dân thị xã H (nay là Tòa án nhân dân thành phố H), tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 (mười hai) tháng. Chấp hành xong quyết định ngày 28/10/2020; tiền án: Chưa có; tạm giữ: Không; tạm giam: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. Nguyễn Minh M, sinh ngày 11/10/1996 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ

khẩu thường trú: Khóm S, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn T1, sinh năm 1971 và bà Lê Thị B, sinh năm 1971; vợ: Lê Kim D1, sinh năm 1996; con: Nguyễn Gia H1, sinh năm 2019; tiền sự: Chưa có; tiền án: Chưa có; về nhân thân: Ngày 16/6/2016 bị Tòa án Nhân dân thị xã H (nay là Tòa án nhân dân thành phố H), tỉnh Đồng Tháp ra xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Chấp hành xong án phạt tù ngày 11/6/2017; tạm giữ: Không; tạm giam: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại*: Đặng Giang T1, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Khu vực 1, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Lê P, sinh năm 1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm A1, phường A2, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Wave màu xanh, (không rõ biển số) chở M đi tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 21/11/2021 T, M đi đến khu vực khóm 5, phường A2, thành phố H, phát hiện trong khuôn viên trường Mầm Non Hướng Dương có 01 (một) xe máy đào bánh xích (xe KUBE) đang đậu trong trường (xe của anh Đặng Giang T1, sinh năm 1982, ngụ khu vực 1, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ). T và M biết trong xe có bình ắc quy nên T kêu M leo rào vào trường đến chỗ xe KUBE mở lấy bình, T đứng ngoài cảnh giới. Khi M leo rào vào trong trường, đi lại gần xe KUBE, M nhìn thấy bình Ắc quy có gắn ốc vít cố định không mở bằng tay được nên M kêu T đi tìm dụng cụ để mở.

Trong lúc T đi tìm dụng cụ mở ốc vít, M đi đến chỗ lán trại thấy anh T1 đang ngủ nên đã lén lút lấy trộm 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO bỏ vào túi áo và quay lại chỗ xe KUBE chờ T. Khi T quay lại, thấy M bấm điện thoại nên T hỏi "Mới lấy điện thoại trong trường hả", M trả lời "ừ". Sau đó T đưa kéo cho M cạy ốc vít nhưng không mở được nên M leo rào ra ngoài cùng T về nhà T lấy kềm, rồi quay lạy chỗ xe KUBE mở lấy bình ắc quy khiêng đưa ra ngoài hàng rào, M ôm bình ắc quy ngồi phía sau xe mô tô cho T điều khiển rời khỏi hiện trường. T và M

thống nhất việc phân chia tài sản lấy trộm, cụ thể: M lấy điện thoại và đưa cho T 400.000 đồng, T lấy bình ắc quy và nhận 400.000 đồng từ M.

Sau khi bị mất trộm tài sản, anh Đặng Giang T1 đến Công an phường A2 trình báo sự việc. Cơ quan Công an mời T, M về trụ sở làm việc và T, M đã thừa nhận việc lén lút lấy trộm tài sản của anh T1.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh M còn khai nhận trước đó vào ngày 18/11/2021, đã lấy trộm tài sản của anh Lê P, sinh năm 1972, ngụ khóm A1 A, phường An Lộc gồm: 03 (ba) mô tơ điện, trong đó có 01 (một) mô tơ điện sử dụng để mài đá; 01 (một) cây quạt đứng bằng sắt. Các tài sản này anh Phong để trong khuôn viên Nhà văn hóa thành phố H thuộc khóm 2, phường A2, thành phố H.

Vật chứng vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động; 01 (một) bình ắc quy, nhãn hiệu Đồng Nai, loại bình 12V - 50AH, màu trắng đen đã qua sử dụng; 03 (ba) mô tơ điện, không rõ nhãn hiệu, trong đó có 01 (một) mô tơ điện sử dụng để mài đá, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động; 01 (một) cây quạt đứng bằng kim loại, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động.

Tại biên bản kết luận định giá tài sản số: 62/KL-HĐĐG ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO màu đen, đã qua sử dụng là: 2.100.000 đồng; 01 (một) bình ắc quy loại PINACO 12V-50AH, nhãn hiệu DONGNAI, đã qua sử dụng là: 400.000 đồng.

Tại biên bản kết luận định giá tài sản số: 63/KL-HĐĐG ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 03 (ba) mô tơ điện, không rõ nhãn hiệu, trong đó có 01 (một) mô tơ điện sử dụng để mài đá, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động là: 1.000.000 đồng; 01 (một) cây quạt đứng bằng kim loại, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động là 700.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại Đặng Giang T1: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động; 01 (một) bình ắc quy, nhãn hiệu Đồng Nai, loại bình 12V - 50AH, màu trắng đen đã qua sử dụng; trả lại cho anh Lê P: 03 (ba) mô tơ điện, không rõ nhãn hiệu, trong đó có 01 (một) mô tơ điện sử dụng để mài đá, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động; 01 (một) cây quạt đứng bằng kim loại, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu các bị cáo bồi thường về phần dân sự.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Minh M đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã thực hiện.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKSTPHN ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T (T C) và Nguyễn Minh M về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T (T C) và Nguyễn Minh M đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự với giá trị tài sản trộm của bị hại Đặng Giang T1 là 2.500.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T (T C) và Nguyễn Minh M về tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (T C) từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh M từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo sống bằng nghề làm thuê, thu nhập không ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với tài sản mà bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Minh M trộm của anh Lê P trị giá 1.700.000 đồng do không đủ định lượng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá khi lượng hình.

Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại Đặng Giang T1: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu VIVO màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động; 01 (một) bình ắc quy, nhãn hiệu Đồng Nai, loại bình 12V - 50AH, màu trắng đen đã qua sử dụng; trả lại cho anh Lê P: 03 (ba) mô tơ điện, không rõ nhãn hiệu, trong đó có 01 (một) mô tơ điện sử dụng để mài đá, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động; 01 (một) cây quạt đứng bằng kim loại, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Đối với xe mô tô hiệu Wave màu xanh (không rõ biển số) là tài sản của Nguyễn Văn T điều khiển chở M đi tìm tài sản để lấy trộm. Hiện tại xe mô tô này T đã bán cho một người T1 niên (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) tại thành phố H với giá 1.000.000 đồng. Đây là số tiền do bán xe mô tô là tài sản liên

quan đến việc phạm tội của các bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự buộc Nguyễn Văn T nộp lại số tiền bán xe là 1.000.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 400.000 đồng Nguyễn Minh M đưa cho Nguyễn Văn T. Đây là tiền do phạm tội mà có nên buộc Nguyễn Văn T nộp lại số tiền 400.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản bị trộm và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì khác nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T (T C) và Nguyễn Minh M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Các bị cáo thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội. Xuất phát từ việc muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản của anh Đặng Giang T1 nhằm mục đích bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số: 62/KL-HĐĐG ngày 22 tháng 11 năm 2021 và bản kết luận định giá tài sản số: 63/KL-HĐĐG ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thì tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 2.500.000 đồng.

Căn cứ vào lời thừa nhận của các bị cáo, lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã chứng minh được bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Minh M đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản của anh Đặng Giang T1 với tổng giá trị là 2.500.000 đồng.

Đối với tài sản mà bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Minh M trộm của anh Lê P trị giá 1.700.000đồng do không đủ định lượng để truy cứu và Viện kiểm sát không đề nghị xử lý trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Minh M đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự với số tiền chiếm đoạt là 2.500.000đồng như luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…".

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho người dân hoang mang lo sợ, thiếu an tâm trong lao động sản xuất. Hiện nay, tình hình trộm cắp trên cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố H nói riêng xảy ra ngày càng nhiều với tính chất phức tạp. Nhằm để ổn định trật tự trị an ở địa phương, góp phần vào công cuộc phòng, chống và ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về nhân thân của bị cáo:

Hai bị cáo đều có nhân thân xấu, bị cáo Nguyễn Văn T đã có 01 tiền sự, đã bị Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Nguyễn Minh M đã từng bị xử phạt tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Đáng ra sau khi bị xử phạt hành chính và xử phạt tù về các hành vi vi phạm đã thực hiện, các bị cáo phải biết suy ngẫm lại hành vi sai trái của mình, ăn năn hối cải, ra sức lao động đề tìm cho mình một việc làm hợp pháp để có thu nhập chính đáng từ sức lao động của mình, nhưng bị cáo không làm được điều đó mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, điều đó thể hiện các bị cáo thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện nhân cách, thể hiện bản chất xem thường pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã thực hiện. Riêng bị cáo Nguyễn Văn T được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là bị cáo thuộc diện gia đình có công cách mạng (có bà Nội tham gia kháng chiến chống Pháp được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì), Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả 2 bị cáo đều không có.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho các bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đồng thời, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như các bị cáo.

[6] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc đồng phạm giản đơn, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chức, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội mà từng bị cáo gây ra để quyết định mức hình phạt cho tương xứng.

Bị cáo Nguyễn Văn T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Nguyễn Minh M đi lấy trộm tài sản và chính bị cáo cũng là người trực tiếp chở bị cáo M đi lấy trộm tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý nghiêm để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh M, khi bị cáo Nguyễn Văn T rủ rê đi lấy trộm tài sản bán để lấy tiền tiêu xài thì bị cáo đồng ý và thực hiện ngay, bi cáo đã trực tiếp cùng với bị cáo M thực hiện hành vi lấy trộm tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo cũng nguy hiểm cho xã hội nên phải xử nghiêm.

[7] Về vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tài sản bị mất trộm. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tại phiên tòa không phát sinh gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với xe mô tô hiệu Wave màu xanh, (không rõ biển số) là tài sản của Nguyễn Văn T điều khiển chở M đi tìm tài sản để lấy trộm. Hiện tại xe mô tô này T đã bán cho một người T1 niên (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) tại thành phố H với giá 1.000.000 đồng. Đây là số tiền do bán xe mô tô liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự buộc Nguyễn Văn T nộp lại số tiền bán xe là 1.000.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp pháp luật.

Đối với số tiền 400.000 đồng Nguyễn Minh M đưa cho Nguyễn Văn T. Đây là tiền do phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự buộc Nguyễn Văn T nộp lại số tiền 400.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo sống bằng nghề làm thuê, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T C) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh M 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp lại số tiền 1.400.000đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Minh M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền khang cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/02/2022).

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. H;
- Nhà tạm giữ Công an TP. H;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. H;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Thống